

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH**  
**TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV**

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**  
**TỔ CHỨC NGÀY 06/09/2020**

| TT | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------|------------|----------|-----------|-----------|-----------------------------|---------|---------|
|    |                    |           |            |          | Lý thuyết | Thực hành |                             |         |         |
| 1  | Nguyễn Văn Bảo     | Nam       | 22/03/1994 | Nghệ An  | 6.3       | 7.5       | 22/QĐ167                    | 1140672 |         |
| 2  | Nguyễn Thị Dung    | Nữ        | 03/10/1993 | Nghệ An  | 6.3       | 7.5       | 23/QĐ167                    | 1140673 |         |
| 3  | Nguyễn Thị Hoa     | Nữ        | 03/11/1992 | Nghệ An  | 6.3       | 5.5       | 24/QĐ167                    | 1140674 |         |
| 4  | Văn Thị Thương     | Nữ        | 11/11/1991 | Nghệ An  | 5.0       | 5.0       | 25/QĐ167                    | 1140675 |         |
| 5  | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ        | 10/12/1995 | Nghệ An  | 6.3       | 6.0       | 26/QĐ167                    | 1140676 |         |
| 6  | Nguyễn Thị Khuyên  | Nữ        | 21/12/1997 | Hà Tĩnh  | 6.0       | 7.0       | 27/QĐ167                    | 1140677 |         |
| 7  | Nguyễn Hoàng Nam   | Nam       | 01/8/1994  | Nghệ An  | 6.7       | 7.0       | 28/QĐ167                    | 1140678 |         |
| 8  | Hoàng Thị Hồng Nga | Nữ        | 31/01/1980 | Nghệ An  | 6.0       | 8.0       | 29/QĐ167                    | 1140679 |         |
| 9  | Phan Bảo Ngọc      | Nam       | 06/10/1998 | Hà Tĩnh  | 7.7       | 8.0       | 30/QĐ167                    | 1140680 |         |
| 10 | Võ Thị Hồng Nhung  | Nữ        | 06/01/1990 | Nghệ An  | 6.3       | 6.0       | 31/QĐ167                    | 1140681 |         |
| 11 | Phạm Thị Mai Quyên | Nữ        | 20/10/1977 | Nghệ An  | 6.0       | 6.0       | 32/QĐ167                    | 1140682 |         |
| 12 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Nữ        | 10/11/1999 | Nghệ An  | 6.0       | 6.0       | 33/QĐ167                    | 1140683 |         |
| 13 | Văn Thị Soa        | Nữ        | 20/10/1979 | Nghệ An  | 5.7       | 6.0       | 34/QĐ167                    | 1140684 |         |
| 14 | Lê Hữu Thiệu       | Nam       | 17/6/1993  | Nghệ An  | 6.3       | 6.5       | 35/QĐ167                    | 1140685 |         |
| 15 | Võ Thị Huyền Thư   | Nữ        | 25/08/1982 | Hà Tĩnh  | 5.3       | 8.0       | 36/QĐ167                    | 1140686 |         |
| 16 | Nguyễn Bảo Trung   | Nam       | 28/9/1996  | Nghệ An  | 7.3       | 8.5       | 37/QĐ167                    | 1140687 |         |
| 17 | Đặng Đình Tý       | Nam       | 07/12/1996 | Nghệ An  | 5.0       | 5.5       | 38/QĐ167                    | 1140688 |         |
| 18 | Phan Anh Vũ        | Nam       | 21/5/1995  | Nghệ An  | 6.3       | 5.5       | 39/QĐ167                    | 1140689 |         |
| 19 | Nguyễn Thị Yên     | Nữ        | 04/5/1993  | Nghệ An  | 5.0       | 5.0       | 40/QĐ167                    | 1140690 |         |

| TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc<br>cấp chứng chỉ | Số hiệu | Ghi chú |
|----|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|-----------|--------------------------------|---------|---------|
|    |           |           |           |          | Lý thuyết | Thực hành |                                |         |         |